

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN A
TỈNH B**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 27/2023/HS-ST
Ngày 20.7.2023

A, ngày 20 tháng 7 năm 2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN A, TỈNH B**

Thành phần phiên Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Phan Lê L.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Nguyễn Thị D.
- Bà Nguyễn Thị Tuyết V.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên toà: Bà Huỳnh Đặng Hải Y – Thư ký
Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh B.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A, tỉnh B tham gia phiên toà:
Ông Trần Võ P - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 7 năm 2023 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh B
xét xử công khai sơ thẩm vụ án Hình sự thụ lý số: 24/2023/TLST-HS ngày 22
tháng 6 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 29/2023/QĐXXST-
HS ngày 05 tháng 7 năm 2023 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Võ Ngọc S**; tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam; Sinh ngày:
10/10/1995 tại A, B; Nơi cư trú: Thôn C, xã D, huyện A, tỉnh B; Quốc tịch: Việt
Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn:
07/12; Con ông: Võ Ngọc S1, SN: 1965 và bà: Nguyễn Thị B, SN: 1972; Vợ,
con: chưa có; Tiền án: Ngày 09/11/2021, S bị Tòa án nhân dân thành phố Q, tỉnh
R xử phạt 01 năm tù về tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” theo quy định tại
khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự. Ngày 25/6/2022, S chấp hành xong án phạt
tù trở về địa phương đến ngày 19/4/2023 S chấp hành xong nghĩa vụ đóng án
phí; Tiền sự: ngày 27/12/2022 và 14/02/2023 bị cơ quan Công an xã D xử phạt
hành chính về hành vi “*Sử dụng trái phép chất ma túy*”; Bị cáo bị áp dụng biện
pháp ngăn chặn “*Cấm đi khỏi nơi cư trú*” từ ngày 07/4/2023 cho đến nay. (*Bị
cáo tại ngoại có mặt tại phiên toà*).

2. Những người tham gia tố tụng:

Người bị hại:

- Ông Nguyễn C1, SN: 1972; (*Có mặt*)
Địa chỉ: Thôn C, xã D, huyện A, tỉnh B.
- Ông Phạm C2, SN: 1965; (*Có mặt*)

Địa chỉ: Thôn C, xã D, huyện A, tỉnh B.

- Ông Võ T1, SN: 1971; *(Có mặt)*

Địa chỉ: Thôn H, xã L, huyện A, tỉnh B.

- Ông Trần B1, SN: 1940; *(Vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt)*

Địa chỉ: Thôn C, xã D, huyện A, tỉnh B.

- Ông Nguyễn T2, SN: 1951; *(Vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt)*

Địa chỉ: Thôn H, xã L, huyện A, tỉnh B.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Bà Lê Thị H1, SN: 1966; *(Có mặt)*

Địa chỉ: Thôn O, xã E, huyện A, tỉnh B.

- Bà Nguyễn Thị T3, SN: 1966; *(Có mặt)*

Địa chỉ: Thôn Đ, xã P, huyện A, tỉnh B.

- Bà Nguyễn Thị T4, SN: 1964; *(Vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt)*

Địa chỉ: Thôn G, xã E, huyện A, tỉnh B.

- Anh Phạm Đăng K, sinh ngày: 19/11/2008; *(Vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt)*

Địa chỉ: Thôn H, xã L, huyện A, tỉnh B.

Người đại diện của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Phạm Đăng K:

- Chị Phạm Thị Mỹ N, SN: 1982; *(Vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt)*

Địa chỉ: Thôn H, xã L, huyện A, tỉnh B.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Võ Ngọc S là đối tượng mới chấp hành án phạt tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” trở về địa phương, nhưng không chịu cải tạo, không lo làm ăn mà rủ Phạm Đăng K (sinh ngày 19/11/2008) ở thôn H, xã L, huyện A, tỉnh B cùng thực hiện hành vi trộm cắp gà, vịt để bán lấy tiền tiêu xài thì K đồng ý. S và K cùng nhau thực hiện hành vi trộm cắp tổng cộng 04 lần. Cụ thể từng lần như sau:

Lần thứ nhất: Khoảng 23 giờ 00 phút, ngày 30/01/2023, Võ Ngọc S điều khiển xe mô tô hiệu BOSS (kiểu dáng xe Dream) mang biển số 77E1-589.99 (xe của ông Võ Ngọc S1 là cha của S, ông S1 không biết việc S sử dụng xe mô tô đi trộm) chở K đến nhà ông Trần B1 ở thôn C, xã D, huyện A dựng xe bên ngoài rồi cùng K vạch hàng rào làm bằng tre tạo thành lỗ chui vào trong vườn đến chuồng gà bắt 02 con gà trống, sau đó đem về nhốt ở trong nhà.

Lần thứ hai: Khoảng 01 giờ 00 phút, ngày 31/01/2023, sau khi về nhà cất giấu số gà vừa trộm được S tiếp tục đến trước chuồng gà nhà ông Nguyễn T2 ở thôn H, xã L, huyện A phát hiện 01 lỗ hổng ở phần vách tường phía bên phải

nên dùng tay xé phần lưới, dùng tay đuổi gà chạy ra lỗ hồng rồi bắt được 01 con gà trống đem về nhà nhốt. Đến 23 giờ 30 phút cùng ngày, S và K quay lại nhà ông Trần B1 trộm 01 con gà rồi đem về nhà nhốt.

Đến 05 giờ 00 phút, các ngày 31/01/2023, 01/02/2023, S đem số gà đã trộm được của ông Trần B1 và ông Nguyễn T2 (tổng cộng 04 con gà) bán cho một người phụ nữ làm nghề buôn bán gà tại thôn G, xã E, huyện A (đoạn gần cây xăng xã E) được tổng số tiền 790.000 đồng, số tiền này S và K đã tiêu xài hết.

Lần thứ ba: Khoảng 23 giờ 30 phút, ngày 05/02/2023, S điều khiển xe mô tô mang biển số 77E1-589.99 chở K đến khu vực xóm Gò Xạ, thôn C, xã D, huyện A, tỉnh B rồi đột nhập vào khu vực chuồng trại nhà ông Nguyễn C1 ở thôn C, xã D, huyện A, tỉnh B trộm 02 con vịt xiêm rồi cũng K quay về nhốt tại nhà của S. Sau đó, S và K tiếp tục quay lại đột nhập vào nhà ông Phạm C2 ở thôn C, xã D, huyện A trộm 04 con gà đem về nhà S nhốt, rồi quay lại nhà của ông Nguyễn C1 trộm tiếp 05 con gà đem về nhà S nhốt chung với số gà, vịt đã trộm trước đó.

Đến 05 giờ 00 phút ngày 06/02/2023, S chở 05 con gà trộm được đến nhà bà Lê Thị H1 (làm nghề buôn bán gà) ở thôn O, xã E, huyện A bán được số tiền 1.070.000 đồng. Sau đó, S quay về nhà chở tiếp 02 con vịt và 04 con gà còn lại đến đoạn chợ G ở thôn G, xã E, huyện A bán cho bà Nguyễn Thị T4 (làm nghề buôn bán gà tại chợ) được số tiền 1.100.000 đồng. Số tiền bán được, S chia cho K 400.000 đồng, số tiền còn lại S và K cùng nhau tiêu xài hết.

Lần thứ tư: Khoảng 23 giờ 30 phút ngày 06/02/2023, S tiếp tục điều khiển xe mô tô mang biển số 77E1-589.99 chở K đến khu vực gần cây xăng xã L đột nhập vào chuồng gà của ông Võ T1 ở thôn H, xã L, huyện A trộm 06 con gà rồi đem về nhà nhốt. Đến 06 giờ 00 phút ngày 07/02/2023, S đem 06 con gà trên ra đường tỉnh lộ 635 thuộc xã L bán cho bà Nguyễn Thị T3 ở thôn Đ, xã P, huyện A được số tiền 965.000 đồng, số tiền này S và K đã tiêu xài hết.

Theo kết luận của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng Hình sự huyện A:

- Giá trị 04 con gà tại thời điểm bị chiếm đoạt ngày 30/01/2023 và ngày 31/01/2023 có tổng giá trị là 868.000 đồng. Cụ thể như sau:

+ 03 con gà của ông Trần B1 có giá trị 418.000 đồng, gồm: 01 con gà trống, màu lông ô tía (đen đỏ), nặng 2,5kg (không thu được tang vật) có giá trị là 250.000 đồng; 01 con gà trống, màu lông ô tía (đen đỏ), tại thời điểm bị cúm, hồng 01 bên mắt, nặng 2,5kg (không thu được tang vật) có giá 0 đồng; 01 con gà mái, màu lông mốc xám, nặng 1,4kg (không thu được tang vật) có giá là 168.000 đồng.

+ 01 con gà trống, màu lông đen đỏ, nặng 4,5kg (không thu được tang vật) của ông Nguyễn T2 có giá 450.000 đồng

- Giá trị của 02 con vịt xiêm và 05 con gà của ông Nguyễn C1 bị trộm cắp

đêm ngày 05/02/2023 tại thời điểm bị chiếm đoạt là 2.174.000 đồng. Cụ thể như sau:

+ 01 con vịt xiêm trống, màu lông trắng đen, nặng 3,4kg (thu được tang vật) có giá là 306.000 đồng;

+ 01 con vịt xiêm mái, màu lông trắng đen, nặng 2,3kg (thu được tang vật) có giá là 230.000 đồng;

+ 01 con gà trống (lai gà nòi), màu lông đen, nặng 3,3kg (không thu được tang vật) có giá là 330.000 đồng;

+ 01 con gà mái, màu lông đen hơi vàng, nặng 2,5kg (thu được tang vật) có giá là 300.000 đồng;

+ 01 con gà mái, màu lông đen hơi vàng, nặng 2,6kg (thu được tang vật) có giá là 312.000 đồng;

+ 01 con gà mái, màu lông đen hơi vàng, nặng 2,8kg (không thu được tang vật) có giá là 336.000 đồng;

+ 01 con gà mái, màu lông đen hơi vàng, nặng 3kg (không thu được tang vật) có giá là 360.000 đồng.

- Giá trị 04 con gà của ông Phạm C2 bị trộm cắp đêm ngày 05/02/2023 tại thời điểm bị chiếm đoạt là 1.059.000 đồng. Cụ thể như sau:

+ 01 con gà trống, màu lông trắng đen, nặng 3kg (không thu được tang vật) có giá là 300.000 đồng;

+ 01 con gà mái (lai gà nòi), màu lông đen, nặng 2,1kg (không thu được tang vật) có giá là 231.000 đồng;

+ 01 con gà mái, màu vàng xám, nặng 2kg (không thu được tang vật) có giá là 240.000 đồng;

+ 01 con gà mái, màu lông vàng xám, nặng 2,4kg (không thu được tang vật) có giá là 288.000 đồng.

- Giá trị 06 con gà của ông Võ T1 bị trộm cắp đêm ngày 06/02/2023 tại thời điểm bị chiếm đoạt là 1.278.000 đồng. Cụ thể như sau:

+ 01 con gà mái, màu lông đen, nặng 2,1kg (thu được tang vật) có giá là 210.000 đồng;

+ 01 con gà mái, màu lông đen, nặng 1,7kg có giá là 204.000 đồng;

+ 01 con gà mái, màu lông xám nâu, nặng 1,7kg có giá là 204.000 đồng;

+ 01 con gà mái, màu lông nâu đen, nặng 2kg có giá là 240.000 đồng;

+ 01 con gà mái, màu lông vàng đen, nặng 1,6kg có giá là 192.000 đồng;

+ 01 con gà mái, màu lông vàng đen, nặng 1,9kg có giá là 228.000 đồng.

Tổng giá trị 15 con gà, 02 con vịt xiêm trên tại thời điểm bị chiếm đoạt ngày 05/02/2023 và ngày 06/02/2023 là 4.511.000 đồng.

Về vật chứng: 01 xe mô tô mang biển số 77E1-589.99 của ông Võ Ngọc S1 (SN: 1965 – là cha ruột của S) là chủ sở hữu; 02 con gà mái và 02 con vịt xiêm của ông Nguyễn C1; 06 con gà của ông Võ T1. Đã giao trả lại cho chủ sở hữu.

Về trách nhiệm dân sự: Các bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã nhận lại tài sản bị trộm cắp, nhận tiền bồi thường và không có yêu cầu gì khác về phần dân sự, trong đó:

Ông Nguyễn C1 nhận lại 02 con vịt; 02 con gà và số tiền bồi thường là 1.026.000 đồng; Ông Phạm C2 nhận số tiền bồi thường là 1.059.000 đồng; Ông Trần B1 nhận số tiền bồi thường là 418.000 đồng; Ông Nguyễn T2 nhận số tiền bồi thường là 450.000 đồng; Ông Võ T1 đã nhận lại toàn bộ tài sản bị trộm cắp và không có yêu cầu bồi thường.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị T3, nhận số tiền bồi thường là 965.000 đồng; bà Nguyễn Thị T4 nhận số tiền bồi thường là 720.000 đồng.

Tại bản cáo trạng số: 28/CT-VKSPC, ngày 21/6/2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện A đã truy tố bị cáo Võ Ngọc S về tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A trong phần tranh luận giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo Võ Ngọc S về tội: “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015 và không có thay đổi bổ sung gì thêm.

Đề nghị HĐXX: Áp dụng khoản 1 Điều 173, các điểm b, s khoản 1 Điều 51, các điểm h, o khoản 1 Điều 52, Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 để xử phạt bị cáo Võ Ngọc S với mức án từ 12 tháng tù đến 15 tháng tù. Thời hạn phạt tù tính từ ngày bắt đi chấp hành án.

Tại phiên tòa, bị cáo Võ Ngọc S đã thừa nhận hành vi phạm tội của mình cũng như nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát đã truy tố. Trong lời nói sau cùng, bị cáo ăn năn, hối cải mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1]. Xét về mặt thủ tục tố tụng: Trong các giai đoạn điều tra, truy tố, Cơ quan tiến hành tố tụng và những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự 2015. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo và người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng. Do đó, có đủ căn cứ

để xác định: ở các giai đoạn tố tụng này, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, hành vi của những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp; quyền và nghĩa vụ của những người tham gia tố tụng được đảm bảo, các nguyên tắc trong tố tụng hình sự được tôn trọng và thực hiện đầy đủ theo quy định của pháp luật hình sự.

[2]. Xét nội dung của vụ án và hành vi của bị cáo thực hiện, tính chất nguy hiểm của hành vi, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Tại phiên tòa sơ thẩm bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi diễn biến của vụ án như nội dung bản cáo trạng mà Viện kiểm sát đã truy tố. Lời khai của bị cáo trước Tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của những người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án như biên bản khám nghiệm hiện trường, bản ảnh hiện trường. Như vậy, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở chứng cứ và yếu tố pháp lý kết luận:

Võ Ngọc S mới chấp hành xong án phạt tù trở về địa phương nhưng không chịu cải tạo, sửa đổi bản thân, với bản tính chây lười, ăn chơi, không lo làm ăn lương thiện chỉ vì muốn có tiền tiêu xài nên bị cáo đã cố ý thực hiện hành vi trộm cắp gia cầm vào các ngày 30, 31 tháng 01 năm 2023, ngày 05, 06 tháng 02 năm 2023 với tổng giá trị tài sản tại thời điểm chiếm đoạt là 5.379.000 đồng trên địa bàn hai xã L và xã D. Không những thế, khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo đã rủ rê, xúi giục Phạm Đăng K là người dưới 18 tuổi cùng thực hiện hành vi trộm cắp tài sản.

Vì vậy, hành vi của bị cáo đã cấu thành tội “*Trộm cắp tài sản*” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015. Do đó, Viện kiểm sát nhân dân huyện A, tỉnh B truy tố bị cáo Võ Ngọc S về tội “*Trộm cắp tài sản*” là hoàn toàn đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật.

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ mà còn làm mất ổn định an ninh trật tự địa phương, nơi bị cáo thực hiện hành vi phạm tội, gây tâm lý hoang mang lo lắng cho quần chúng nhân dân. Do đó, cần phải xét xử bị cáo với mức án nghiêm minh, tương xứng, phù hợp với hành vi bị cáo gây ra, cần cách ly bị cáo khỏi đời sống xã hội một thời gian, như vậy mới có tác dụng giáo dục riêng và phòng ngừa chung góp phần ổn định tình hình an ninh trật tự và an toàn xã hội ở địa phương.

[3]. Xét về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự để quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Bị cáo Võ Ngọc S có nhân thân xấu, có 02 tiền sự về hành vi “*Sử dụng trái phép chất ma túy*” và 01 tiền án về tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” chưa được xóa án tích nay lại tiếp tục phạm tội và xúi giục người dưới 18 tuổi phạm tội phải chịu tình tiết tăng nặng là tái phạm và xúi giục người dưới 18 tuổi phạm tội quy định tại điểm h, o khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự 2015. Tuy nhiên, trong quá trình điều tra và cũng như tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn

khai báo, thừa nhận hành vi phạm tội; tài sản trộm đã được thu hồi trả lại cho bị hại và đã bồi thường cho người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự 2015. Do đó, cần xem xét giảm một phần hình phạt cho bị cáo để bị cáo nhận thấy được chính sách nhân đạo của pháp luật mà yên tâm cải tạo, sớm trở thành người công dân có ích cho xã hội. Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa cũng phù hợp với nhận định trên nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Đối với Phạm Đăng K do Võ Ngọc S xúi giục thực hiện hành vi trộm cắp, tại thời điểm phạm tội K chỉ mới 14 tuổi, 02 tháng, 16 ngày nên K chưa đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự về tội ít nghiêm trọng theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Bộ luật Hình sự 2015 nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện A ra Quyết định xử phạt hành chính bằng hình thức cảnh cáo hành vi trộm cắp tài sản là đúng quy định pháp luật.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện A đã tiến hành thông báo truy tìm người phụ nữ mua gà của S vào sáng ngày 31/01/2023 và 01/02/2023, ở đoạn gần cây xăng xã E tuy nhiên không xác định được người phụ nữ trên. Đối với Nguyễn Thị T3, Lê Thị H1 và Nguyễn Thị T4 đều có hỏi về nguồn gốc số gà, vịt bị cáo đem bán. Do S nói gà, vịt ở nhà nên mới mua do đó không có cơ sở xác định có dấu hiệu tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện A không truy cứu trách nhiệm hình sự đối với những người này là có cơ sở.

[4]. Về trách nhiệm dân sự và các biện pháp tư pháp khác:

[4.1]. *Về trách nhiệm dân sự*: Các bị hại đã nhận lại tài sản bị trộm cắp và đã nhận đủ số tiền bồi thường; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã nhận đủ số tiền bồi thường và không có yêu cầu gì khác về phần dân sự nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4.2]. *Về xử lý vật chứng*: Đối với xe mô tô mang biển số 77E1-589.99 S đã sử dụng thường xuyên đi trộm cắp, tuy nhiên xét thấy xe này là của cha bị cáo, ông S1 không biết việc con mình đã lấy xe đi trộm cắp nên trong quá trình điều tra, cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện A đã ra quyết định xử lý vật chứng trả lại xe mô tô mang biển số 77E1-589.99 cho ông S1; đã giao trả 02 con vịt và 06 con gà cho chủ sở hữu theo đúng quy định nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5]. Về án phí: Căn cứ theo khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội buộc bị cáo phải chịu án phí HSST sung vào ngân sách nhà nước.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 173, điểm b, s khoản 1 Điều 51, điểm h, o khoản 1 Điều 52, Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015;

Căn cứ theo khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự;

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. *Tuyên bố:* Bị cáo Võ Ngọc S phạm tội: “*Trộm cắp tài sản*”.
2. Xử phạt bị cáo Võ Ngọc S **10 (Mười)** tháng tù. Thời hạn phạt tù tính từ ngày bắt đi chấp hành án.
3. *Trách nhiệm dân sự và xử lý vật chứng:*
 - 3.1. *Trách nhiệm dân sự:* Không.
 - 3.2. *Xử lý vật chứng:* Không.
4. *Về án phí:* Bị cáo Võ Ngọc S phải chịu 200.000 đồng (*Hai trăm ngàn đồng*) án phí HSST sung vào ngân sách nhà nước.
5. *Quyền kháng cáo đối với bản án:* Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị cáo, các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án. Riêng đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh B;
- VKSND huyện A (02b);
- Cơ quan CSĐT CA huyện A;
- Phòng Hồ sơ NVCS CA H.A;
- Chi cục THADS huyện A;
- Bị cáo;
- Các đương sự;
- Lưu án văn;
- Lưu THA phạt tù;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phan Lê L